

Bản án số: 245/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lắm.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 - Ông Nguyễn Văn Trí;
 - Bà Trần Thị Kim Thoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 429/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Trúc P, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Quang V, sinh năm 1973; địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Trúc P trình bày, bà P và ông V do mai mối và kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn M vào ngày 03/10/2001. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 03 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 2002, cháu

Lê Thị Bảo N, sinh năm 2004 và cháu Lê Quang P1, sinh ngày 13/6/2012. Hiện tại, các cháu T và N đã thành niên, cháu P1 đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, có hành vi đánh bà P và con nhiều lần, lần gần nhất vào đầu năm 2022, ông V hay đập phá đồ trong gia đình, có khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng có trình báo với Công an xã T giải quyết nhưng ông V vẫn không thay đổi. Bà P và ông V không còn sống chung với nhau từ ngày 04/6/2024 đến nay.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông V; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với cháu T và cháu N do đã thành niên, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi dạy cháu P1; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Phan Thị Trúc P; Giấy khai sinh số 177/ks, quyền số 02, ngày 14/8/2002 do Ủy ban nhân dân xã T cấp đối với Lê Thị Thanh T (bản sao); Giấy khai sinh số 627/2014, quyền số 04, ngày 29/9/2004 do Ủy ban nhân dân xã T cấp đối với Lê Thị Bảo N (bản sao); Giấy khai sinh số 668/2012, quyền số 02, ngày 26/6/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp đối với Lê Quang P1 (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 329, ngày 03/10/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C cấp đối với bà Phan Thị Trúc P và ông Lê Quang V (bản sao).

- Bị đơn ông Lê Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Phan Thị Trúc P có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Trúc P đối với ông Lê Quang V; bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Quang P1, sinh ngày 13/6/2012, ông V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị Trúc P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Quang V, ông V cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phan Thị Trúc P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Lê Quang V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Phan Thị Trúc P khai, bà P và ông V do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn M vào ngày 03/10/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà P xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, có hành vi đánh bà P và con nhiều lần, lần gần đây nhất vào đầu năm 2022, ông V hay đập phá đồ trong gia đình, có khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng có trình báo với Công an xã T giải quyết nhưng ông V vẫn không thay đổi.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông V hay nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần, không quan tâm đến vợ con, bà P có khuyên nhưng ông V vẫn không thay đổi và không còn sống chung từ tháng 6/2024 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông V nhưng ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà P. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà P và ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 2002, cháu Lê Thị Bảo N, sinh năm 2004 và cháu Lê Quang P1, sinh ngày 13/6/2012. Bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với việc nuôi dưỡng các cháu T và N do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1.

Xét thấy, bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với việc nuôi dưỡng các cháu T và N do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập đến. Đối với cháu P1 đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng đang phát triển tốt về thể chất, tinh thần và cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà P. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao P1 cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Trúc P.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Trúc P được ly hôn với ông Lê Quang V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 329, ngày 03/10/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C cấp đối với bà Phan Thị Trúc P và ông Lê Quang V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Phan Thị Trúc P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với việc nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thanh T, sinh năm 2002, cháu Lê Thị Bảo N,

sinh năm 2004 do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết. Bà Phan Thị Trúc P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Quang P1, sinh ngày 13/6/2012, ông V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phan Thị Trúc P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Quang V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phan Thị Trúc P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015561 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 6 năm 2024; bà Phan Thị Trúc P đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Quang V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Phan Thị Trúc P, ông Lê Quang V có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm